

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: **673** - QĐ/ĐHKHCN

Hà Nội, ngày **11** tháng **09** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ thạc sĩ
năm học 2026-2027

-
- Căn cứ Quyết định số 2067/QĐ-TTg ngày 09/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (ĐHKHCNHN);
 - Căn cứ Quyết định số 540-QĐ/VHLKHCNVN ngày 22/06/2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐHKHCNHN;
 - Căn cứ Quyết định số 228/QĐ-ĐHKHCN ngày 26/03/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHKHCNHN về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;
 - Căn cứ Quyết định số 234-QĐ/ĐHKHCN ngày 11/06/2026 của Hiệu trưởng Trường ĐHKHCNHN về việc ban hành Quy định tổ chức và quản lý chương trình đào tạo thạc sĩ tài năng tại Trường ĐHKHCNHN;
 - Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ thạc sĩ của Trường ĐHKHCNHN năm học 2026-2027 với các nội dung như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Trưởng phòng Tổ chức - Nhân sự - Hành chính, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các khoa chuyên môn, Giám đốc Trung tâm ngoại ngữ, Trưởng Bộ môn Khoa học Quản lý và Giáo dục hỗ trợ, Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng và Khảo thí và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2,
- BGH,
- Lưu: VT, QLĐT-HP.

K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



*

No. **673** - QĐ/ĐHKHCN

Ha Noi, **September 11**, 2026

DECISION

**On approving the teaching plan of master's programs
for the academic year 2026-2027**

- Pursuant to Decision No. 2067/QĐ-TTg dated December 9th, 2009 of the Prime Minister on establishing the University of Science and Technology of Hanoi (USTH);

- Pursuant to Decision No. 540-QĐ/VHLKHCVN dated June 22nd, 2026 of the President of the Vietnam Academy of Science and Technology on the promulgation of the Regulations on Organization and Operation of USTH;

- Pursuant to Decision No. 228/QĐ-ĐHKHCN dated March 26th, 2024 of the Rector of USTH on issuing the Master's Academic Policies;

- Pursuant to Decision No. 234-QĐ/ĐHKHCN dated June 11th, 2026 of the Rector of USTH on regulating the organization and management of the Talent master training programs at USTH;

- At the proposals of Director of Department of Academic Affairs.

**RECTOR OF UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY OF HANOI
DECIDES**

Article 1. To approve the teaching plan of master's programs of USTH for the academic year 2026-2027 as detailed in the Annexes promulgated with this Decision.

Article 2. Director of Department of Organization - Personnel - Administration, Director of Department of Academic Affairs, Directors of academic departments, Director of Foreign Language Center, Head of Division of Management Science and Transversal Education, Head of Accounting and Finance Department, Director of Department of Quality Assurance and Examination and involved units and individuals shall be in charge of implementing this Decision./

Recipients:

- As Article 2,
- RB,
- Archive: Admin, DAA-HP.

PP. RECTOR

VICE RECTOR

(Signed and sealed)

Tran Dinh Phong



PHỤ LỤC 1: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ KHOA HỌC VẬT LIỆU TIỀN TIẾN VÀ CÔNG NGHỆ NANO NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 1: TEACHING PLAN OF MASTER'S PROGRAM IN ADVANCED MATERIALS SCIENCE AND NANOTECHNOLOGY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027
(Ban hành kèm theo Quyết định số 643-QĐ/ĐHKHCN ngày 11/09/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy, trình độ thạc sĩ của Trường ĐHKHCN năm học 2026-2027)
(Issued with Decision No. 643-QĐ/ĐHKHCN dated Sept-11, 2026 on approving the Teaching plan of master's programs of USTH in academic year 2026-2027)

1.1 KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM THỨ NHẤT/ TEACHING PLAN OF M1

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (D)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Học kỳ 1/Semester 1														
1	B111	Experimental Unit: Electrodeposition Chemical preparation VD Deposition TP AFM/STM SEM	Thực hành 1	4	40		40		M	Nguyễn Lương Lám, Nguyễn Văn Quỳnh, Nguyễn Thị Ngọc	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
2	P204	Physics of semi-conductors and electronic devices	Vật lý bán dẫn và linh kiện điện tử	3	22	22			M	Julien Laverdant	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
3	B107	Applied numerical tools (python)	Công cụ số ứng dụng -python	2	20	20			M	Michael Amato	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
4	B123	Introduction to Molecular Modeling	Nhập môn mô hình học phân tử	2	20	20			M	François Maurel, Van Oanh Nguyen Thi	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
5	B124	Optical properties of materials	Tính chất quang học của vật liệu	3	23	20	3		M	Corinne Chanéac	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
6	C206	Chemistry of nanomaterials for sustainable dev.	Hóa học vật liệu nano	3	20	20			M	Fayna Mammeri	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
7	B118	Polymer materials for sustainable dev.	Vật liệu polymer	3	20	20			M	Benoit Piro	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
8	B120	Microscopy techniques	Kỹ thuật kính hiển vi	3	20	20			M	Nordin Felidj	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
9	B102	Thermodynamics	Nhiệt động học	3	20	20			M	Brice Arnaud	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
10	C1	English M1	Tiếng Anh Thạc sĩ 1	2.5	50	50			M	Nguyễn Thanh Thủy	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
11	FRM1	French 1	Tiếng Pháp Thạc sĩ 1	1	36	36			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, Nguyễn Thủy Linh	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
12	MMS1.001	Science and Technology Management	Quản lý Khoa học và Công nghệ	1.5	20	20			M	Nguyễn Thị Hải	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline



STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
13	B104	Advanced electrochemistry for sustainable development	Điện hóa năng cao	3	25	20	5		M	Nguyễn Văn Quỳnh	F	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
14	B106	Organic and coordination chemistry for sustainable development	Hóa học phức chất	3	22	20		2	M	Bernd Schollhorn	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
15	B108	Physico chemistry of interfaces	Hóa lý bề mặt	3	20	20			M	Vũ Thi Thu	F	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
16	C203	Chemical Functionalisation of Surfaces - Conducting Polymers	Chức năng hóa bề mặt - Vật liệu polyme dẫn điện	2	20	20			M	Nguyễn Văn Quỳnh	F	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
17	B112	Magnetic properties of materials	Từ học vật liệu	3	26	20	6		M	Philippe Lecoeur, Nguyễn Thị Ngọc	F+I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
18	B119	Spectroscopy techniques	Kỹ thuật phân tích phổ	3	20	20			M	Philippe Daniel, Nguyễn Lương Lâm	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
19	B122	Bibliographic and international project	Xây dựng tổng quan nghiên cứu và dự án quốc tế	3	20	20			M	Nguyễn Văn Quỳnh	F	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
20	B110	M1 Internship	Thực tập M1	9					M			01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline

1.2 KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM THỨ HAI/ TEACHING PLAN OF M2

Học kỳ 1/Semester 1														
STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
1	MMS2.001	Science and technology innovation management	Quản lý đổi mới sáng tạo Khoa học và Công nghệ	1.5	20	20			M	Nguyễn Thị Hải	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
2	MMS2.002	Research method in science and technology studies	Phương pháp nghiên cứu Khoa học và Công nghệ	1.5	20	12		8	M	Nguyễn Hồng Nam, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
3	B207	Vietnamese academics, industrial and International collaboration landscapes	Bối cảnh khoa học công nghệ, công nghiệp và hợp tác quốc tế trong ngành Khoa học vật liệu ở Việt Nam.	2	20	15	8		M	Phạm Gia Khánh, Phan Ngọc Hồng	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
4	C202	Molecular electronics	Điện tử học phân tử	2	20	20			M	Jean-Christophe Lacroix	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
5	B204	Organic electronics	Điện tử học hữu cơ	2	20	20			M	Jean-Manuel Raimundo	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
6	P301	Molecular Magnetism	Từ học phân tử	2	20	20			M	Tallal Mallah	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
7	B202	Material for Photovoltaics	Vật liệu cho pin năng lượng mặt trời	2	20	20			M	Thanh-Tuan Bui	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
8	B207	Materials for batteries and supercapacitors	Vật liệu tích trữ năng lượng trong pin và siêu tụ	2	20	20			M	Nguyễn Thanh Tùng, Nguyễn Nhật Linh	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
9	B203	Biosensors	Cảm biến sinh học	2	20	20			M	Benoit Piro, Vũ Thị Thu	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
10	C201	Nanostructured Polymers	Vật liệu polyme cấu trúc nano	2	20	20			M	Saginario Pascual	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
11	P202	Nanophotonics	Quang tử nano	2	20	20			M	Olivier Pluchery	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
12	C209	Molecular Modeling of organic materials	Mô hình hóa phân tử vật liệu hữu cơ	2	20	20			M	Mahamadou Seydou	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
13	P205	Numerical simulation	Mô phỏng số	2	20	20			M	Eleonora Luppi	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
14	P207	MEMS – NEMS	Công nghệ MEMS-NEMS	3	34	34			M	Louis Renaud, Nguyễn Văn Quỳnh	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
15	B210	Internship	Thực tập	30					M			01/2027	8/2027	Trực tiếp/ Offline



PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 2: TEACHING PLAN OF MASTER'S PROGRAM IN INFORMATION AND COMMUNICATION TECHNOLOGY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027
(Ban hành kèm theo Quyết định số 673-QĐ/ĐHKHCN ngày 11 / 09 /2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ thạc sĩ của Trường ĐHKHCNHN năm học 2026-2027)
(Issued with Decision No. 673 -QĐ/ĐHKHCN dated Sept. 11 , 2026 on approving the Teaching plan of master's programs of USTH in academic year 2026-2027)

2.1 KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM THỨ NHẤT/ TEACHING PLAN OF M1

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bắt tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Học kỳ 1/Semester 1														
1	BC4.01	Mathematics Tool for Data Science	Công cụ toán học cho khoa học dữ liệu	5	50	40		10	M	Trần Hoàng Tùng	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
2	BC4.02	Information Systems for Data Science	Hệ thống thông tin cho khoa học dữ liệu	5	50	40	10		M	Nghiêm Thị Phương, Nguyễn Hoàng Hà	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
3	BC1.01	Programming techniques	Kỹ thuật lập trình	5	50	30	20		M	Emmanuelle Darles, Lilian Aveneau	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
4	BC2.01	Statistics for Data Science	Thống kê cho khoa học dữ liệu	5	50	40	10		M	Cần Văn Hào	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
5	BC1.02	Basic modelling techniques	Kỹ thuật mô hình hoá cơ bản	5	50	40		10	M	Giang Anh Tuấn	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
10	C1	English M1	Tiếng Anh Thạc sĩ 1	2.5	50	50			M	Nguyễn Thanh Thủy	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
11	FRM1	French 1	Tiếng Pháp Thạc sĩ 1	1	36	36			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, Nguyễn Thùy Linh	F+I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
12	MMS1.001	Science and Technology Management	Quản lý Khoa học và Công nghệ	1.5	20	20			M	Nguyễn Thị Hải	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
9	BC3.01	System Architectures	Kiến trúc hệ thống	5	50	40		10	M	Camélia Slimani	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
10	BC1.03	Advanced modelling techniques	Kỹ thuật mô hình hoá nâng cao	5	50	30		20	M	Davide Catta, Kais Klai	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
11	BC2.03	Machine Learning	Học máy	5	50	20	20	10	M	Nguyễn Minh Hương, Đoàn Nhật Quang	F	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
12	BC4.03	Deep Learning	Học sâu	5	50	20	20	10	M	Damien Muselet, Trần Giang Sơn	F+I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
13	BC3.02	Security and Ethics for Data	An toàn và đạo đức cho dữ liệu	2.5	25	20		5	M	Trần Trung Chuyên	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
14	BC2.02	From sensor to user	Từ cảm ứng đến người dùng	2.5	25	20		5	M	Trần Trung Chuyên	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
15	MI2.05-MI	M1 Internship	Thực tập M1	5					M			01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline

2.2 KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM THỨ HAI/ TEACHING PLAN OF M2

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Học kỳ 1/Semester 1														
1	MMS2.001	Science and technology innovation management	Quản lý đổi mới sáng tạo Khoa học và Công nghệ	1.5	20	20			M	Nguyễn Thị Hải	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
2	MMS2.002	Research method in science and technology studies	Phương pháp nghiên cứu Khoa học và Công nghệ	1.5	20	12		8	M	Nguyễn Hồng Nam, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
19	BC1.04	Modeling and simulation of complex systems	Mô hình hóa và mô phỏng các hệ thống phức tạp	5	50	30	20		M	Arnaud Grignard	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
20	BC3.04	Cloud and big data	Đám mây và dữ liệu lớn	5	50	30	20		M	Boris Teabe, Daniel Hagimont	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
21	BC2.04	Data visualization	Trực quan hóa dữ liệu	5	50	30	20		M	Nicolas Sidère, Karell Bertet	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
22	BC3.05	Advanced programming for HPC	Lập trình nâng cao cho HPC	5	50	40	10		M	Lilian Aveneau, Trần Giang Sơn	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
23	BC4.04	Machine Learning and Deep Learning Applications	Học máy và Học sâu ứng dụng	5	50	30	20		M	Pascal Bourdon, Nicolas Sidère	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
24	MI4.1	Internship	Thực tập	30					M			01/2027	8/2027	Trực tiếp/ Offline

PHỤ LỤC 3: KẾ HOẠCH GIÁNG DẠY CHUƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CÔNG NGHỆ SINH HỌC: THỰC VẬT - Y SINH - DƯỢC HỌC NĂM HỌC 2026-2027

ANNEX 3: TEACHING PLAN OF MASTER'S PROGRAM IN MEDICAL BIOTECHNOLOGY - PLANT BIOTECHNOLOGY - PHARMACOLOGY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

Quyết định số 613/QĐ-ĐHKHCN ngày 11/09/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ thạc sĩ của Trường ĐHKHCN năm học 2026-2027

Decision No. 613/QĐ-ĐHKHCN dated Sept. 11, 2026 on approving the Teaching plan of master's programs of USTH in academic year 2026-2027

3.1 KẾ HOẠCH GIÁNG DẠY NĂM THỨ NHẤT/ TEACHING PLAN OF M1

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

KHOA HỌC SỰ NGHIỆP

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

KHOA HỌC SỰ NGHIỆP

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Học kỳ 1/Semester 1														
1	BP10	Molecular Biology	Sinh học phân tử	5	50	40	10	0	M	Trịnh Duy Chí, Eric Lacombe	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
2	BP11	Biochemistry and enzymology	Hóa sinh và Enzyme học	5	50	40	10	0	M	Thanh Hà Duong, Nguyễn Sỹ Lê Thanh	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
3	BP12	Introduction to pharmacology	Nhập môn dược học	4	50	40	4	12	M	Roger Besançon, Stéphanie Aguero, Nguyễn Thị Kiều Oanh	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
4	BP13	Intruduction to biotechnology	Nhập môn công nghệ sinh học	4	35	27	0	8	M	Michael Quentin, Trinh Duy Chí, Lê Thanh Hương	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
5	BP14	Bioinformatic	Tin sinh	4	50	40	10	0	M	Nguyễn Đức Quân, Trần Thị Thanh Tâm	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
6	BP15	Statistics and biological experimentation	Thống kê sinh học	4	44	40	0	4	M	Mai Thị Phương Nga, Nguyễn Cầm Linh	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
7	BP16	Scientific communication, valorization, Project management	Truyền thông khoa học và quản lý dự án	4	44	44	0	0	M	Eric Gontier, Lê Thanh Hòa	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
8	CI	English M1	Tiếng Anh Thạc sĩ 1	2.5	50	50			M	Nguyễn Thanh Thủy	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
9	FRM1	French 1	Tiếng Pháp Thạc sĩ 1	1	36	36			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, Nguyễn Thùy Linh	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
10	MMS1.001	Science and Technology Management	Quản lý Khoa học và Công nghệ	1.5	20	20			M	Nguyễn Thị Hải	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
11	BP30	M1 internship	Thực tập M1	10					M			01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Phát triển thuốc/ Drug Development														
12	BP20	Medicinal chemistry	Hóa dược	5	49	39	0	10	M	Marie-Geneviève Dijoux, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Lê Hồng Luyến	F+I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
13	BP21	Pharmaceutics and biopharmacy	Bào chế và sinh dược	5	50	28	22	0	M	Nguyễn Phương Nhung, Nguyễn Thị Kiều Oanh	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
14	BP22	Concepts in biochromatography	Các phương pháp sắc ký sinh học	5	50	24	26	0	M	Lê Thị Thu Hằng	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
Y sinh/ Biomedicine														
15	BP23	General immunology	Miễn dịch đại cương	5	53	37	16	0	M	Nguyễn Thị Trang Huyền, Trần Thị Thu Phương	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
16	BP24	Biomedical Biotechnology	Công nghệ sinh học Y sinh	5	56	40	16	0	M	Grigorov Boyan, Nguyễn Quang Huy, Lê Thị Thu Hằng, Đào Thị Mai Lan	F+I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
17	BP25	General oncology	Đại cương ung thư	5	54	42	12	0	M	Nguyễn Phương Nga, Nguyễn Thị Trang Huyền, Grigorov Boyan, Roger Besançon	F+I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
Công nghệ sinh học thực vật/ Plant Biotechnology														
18	BP26	Plant genetic and development	Di truyền và phát triển ở thực vật	5	50	45		5	M	Trịnh Duy Chí, Eric Lacombe, Lê Thị Vân Anh	F+I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
19	BP27	Plant Micro-organism interactions	Tương tác vi sinh vật - thực vật	5	50	35		15	M	Pierre Czemic, Nguyễn Văn Phượng	F+I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
20	BP28	Plant metabolic engineering	Cải biến trao đổi chất thực vật	5	45	25	8	12	M	Michelle Boitel, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Mai Thị Phương Nga, Tô Thị Mai Hương	F+I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
3.2 KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM THỨ HAI/ TEACHING PLAN OF M2														
STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Học kỳ 1/Semester 1														
1	MMS2.001	Science and technology innovation management	Quản lý đổi mới sáng tạo Khoa học và Công nghệ	1.5	20	20			M	Nguyễn Thị Hải	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
2	MMS2.002	Research method in science and technology studies	Phương pháp nghiên cứu Khoa học và Công nghệ	1.5	20	12	8	8	M	Nguyễn Hồng Nam, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
Phát triển thuốc/ Drug Development														
3	BP300	From natural product to drugs and medicines	Từ hợp chất tự nhiên đến thuốc	3	32	32	0	0	M	Nguyễn Hải Đăng, Nguyễn Thị Kiều Oanh	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
4	BP301	Nanobiotech, biosensors and nano delivery	Công nghệ sinh học nano, cảm biến sinh học và hệ dẫn nano	4	48	30	18	0	M	Benoit Piro, Vũ Thị Thu, Nguyễn Hồng Vân	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
5	BP302	Pharmaceutics and pharmacokinetics	Bào chế và dược động học	4	48	40	0	8	M	Nguyễn Phương Nhung, Nguyễn Thị Vân Anh	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
6	BP303	Molecular engineering	Kỹ thuật phân tử	4	48	32	16	0	M	Lê Thị Thu Hằng, Raphaël Terreux, Stéphanie Aguerro	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
7	BP304	Experimental Pharmacology	Dược lý thực nghiệm	3	38	18	10	10	M	Nguyễn Thị Vân Anh, Nguyễn Phương Nga	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
8	BP305	Structural analysis in biology	Phân tích cấu trúc sinh học	3	27	20	0	7	M	Chiara Zanato	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
9	BP306	Immunoinformatics, bioinformatics and antibodies	Tin học miễn dịch, tin sinh và kháng thể	4	43	33	0	10	M	Sanou Gaoussou, Trần Thị Thanh Tâm	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
Y sinh/ Biomedicine														
10	BP307	From genomic to system biology	Từ hệ gen đến hệ thống sinh học	4	40	40	0	0	M	Nguyễn Cẩm Linh, Nguyễn Xuân Hung	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
11	BP308	Expression system and bioreactions	Hệ thống biểu hiện và các phản ứng sinh học	4	43	33	10	0	M	Đông Văn Quyền, Phi Quyết Tiến	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
12	BP309	Genetic, cellular and molecular mechanisms of human diseases	Cơ chế phân tử và tế bào, di truyền về bệnh ở người	4	48	44	4	0	M	Nguyễn Thy Ngọc, Nguyễn Thùy Dương	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
13	BP310	Stem cell and nuclear transfer	Tế bào gốc và chuyển nhân	3	36	36	0	0	M	Nguyễn Trung Nam, Nguyễn Xuân Hưng, Hoàng Thanh Văn	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
14	BP311	Molecular biology of emerging viruses and other pathogens	Sinh học phân tử ở virus mới nổi và các mầm bệnh khác	3	36	32	4	0	M	Anne Laure Banuls, Nguyễn Quang Huy, Trần Thị Thu Phuong	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
15	BP305	Structural analysis in biology	Phân tích cấu trúc sinh học	3	27	20	0	7	M	Chiara Zanato	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
16	BP306	Immunoinformatics, bioinformatics and antibodies	Tin học miễn dịch, tin sinh và kháng thể	4	43	33	0	10	M	Sanou Gaoussou, Trần Thị Thanh Tâm	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Công nghệ sinh học thực vật/ Plant Biotechnology														
17	BP312	Plant functional and comparative genomics	Hệ gen học chức năng và hệ gen học so sánh của thực vật	4	40	27	9	4	M	Đặng Thị Minh Nguyệt	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
18	BP313	Micropropagation, transformation, regeneration of tropical plants	Nhân giống, chuyển gen, tái sinh của thực vật nhiệt đới	4	40	20	0	20	M	Mai Thị Phương Nga	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
19	BP314	Engineering stress resistance in tropical crops	Kỹ thuật kháng stress ở thực vật nhiệt đới	4	37	23	8	6	M	Pierre Frendo, Trịnh Duy Chí, Nguyễn Văn Phương, Michael Quentin	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
20	BP315	Genetic and molecular basis of plant productivity	Cơ sở phân tử và di truyền của năng suất cây trồng	4	30	30	0	0	M	Stéphane Jouannic, Lê Thị Vân Anh	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
21	BP316	Molecular markers and selection	Chỉ thị phân tử và chọn lọc	5	50	50	0	0	M	GV thỉnh giảng (Invited lecturer), Nguyễn Văn Phương	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
22	BP317	Phytopathologie	Bệnh học	4	45	30	9	6	M	Nguyễn Văn Phương	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
23	BP40	Internship	Thực tập	30					M			01/2027	8/2027	Trực tiếp/ Offline



PHỤ LỤC 4: KẾ HOẠCH GIÁNG DẠY CHUƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ VŨ TRỤ: VIỆN THĂM - VẬT LÝ THIÊN VĂN - CÔNG NGHỆ VỆ TINH NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 4: TEACHING PLAN OF MASTER'S PROGRAM IN SPACE: EARTH OBSERVATION - ASTROPHYSICS - SATELLITE TECHNOLOGY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

(Bản hướng dẫn kèm theo Quyết định số 613-QĐ/ĐHKHCN ngày 11/09/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ thạc sĩ của Trường ĐHKHCN năm học 2026-2027)
(Bản hướng dẫn kèm theo Quyết định số 613-QĐ/ĐHKHCN dated Sept. 11, 2026 on approving the Teaching plan of master's programs of USTH in academic year 2026-2027)

4.1 KẾ HOẠCH GIÁNG DẠY NĂM THỨ NHẤT/ TEACHING PLAN OF M1

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Học kỳ 1/Semester 1														
1	C-12	Introduction to Astrophysics & Earth Observation	Tổng quan về vật lý thiên văn và quan trắc trái đất	3	30	27	3		M	Đỗ Thị Hoài, Tống Sĩ Sơn	F+I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
2	C-13	Introduction to Satellite Technologies	Tổng quan về công nghệ vệ tinh	2	20	20			M	Lê Xuân Huy	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
3	C-14	Optical, Infrared and Microwave	Quang học, hồng ngoại, và sóng ngắn	4	40	40			M	Cyrille Rosset, Thierry Koleček, Phạm Tuấn Anh	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
4	C-15	Signal Processing	Xử lý tín hiệu	3	30	30			M	Phạm Tuấn Anh, Guillaume Patanchon	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
5	C-16	Algorithms and Programming	Lập trình và Giải thuật	2	20	10		10	M	Nguyễn Xuân Thành	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
6	C-17	Physics I - Electromagnetism & Statistical physics	Vật lý I - Từ trường và Vật lý thống kê	3	30	30			M	Cyrille Rosset, Baptiste Jost	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
7	C-18	Celestial Mechanics	Cơ học thiên thể	2	20	20			M	Hubert Halloin	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
8	S-11	Physics II - Relativity & Quantum Mechanics	Vật lý II - Thuyết tương đối và Cơ học lượng tử	3	30	25		5	M	Baptiste Jost, Cao Văn Sơn	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
9	S-12	Earth and Planets	Các hành tinh và trái đất	3	30	30			M	Ngô Đức Thành, Sonia Fornasier	F+I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
10	C1	English M1	Tiếng Anh Thạc sĩ 1	2.5	50	50			M	Nguyễn Thanh Thủy	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
11	FRM1	French 1	Tiếng Pháp Thạc sĩ 1	1	36	36			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, Nguyễn Thủy Linh	F+I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
12	MMS1.001	Science and Technology Management	Quản lý Khoa học và Công nghệ	1.5	20	20			M	Nguyễn Thị Hải	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
13	C-21	Detectors and space instrumentation	Cảm biến và thiết bị không gian	2	20	20			M	Cao Văn Sơn, Phạm Ngọc Diệp	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
14	C-22	Earth Observation: Methods and Applications I	Quan sát trái đất: Phương pháp và Ứng dụng I	3	35	35			M	Phạm Đức Bình, Filipe Aires	F+I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
15	C-23	Numerical Methods	Phương pháp số	3	38	28		9	M	Stéphane Jacquemound, Lê Ngọc Trầm	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
16	C-24	Tool Suite for Satellite Design	Bộ dụng cụ thiết kế vệ tinh	2	28	28			M	Jean-Francois Aubrun, Maxime Senes	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
17	C-25	Spacecraft architecture	Cấu trúc tàu vũ trụ	3	30	30			M	Laurent Boissnard	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
18	C-26	M1 Internship	Thực tập M1	5					M			01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
19	S-21	Image Processing basics	Cơ sở Xử lý ảnh	2	20	20			M	Tổng Sĩ Sơn	F	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
20	S-22	Physics III - Molecular physics	Vật lý III - Vật lý phân tử	3	30	30			M	Isabelle Kleiner, Hà Trần	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
21	S-23	Astrophysics	Vật lý thiên văn	3	30	30			M	Sylvain Chaty, Howard Saburo	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
22	S-24	Image Processing for remote sensing	Xử lý ảnh trong Viễn thám	4	30	30			M	Alexandre Bouvet, Hồ Tổng Minh Định, Phạm Đức Bình	F+I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline

4.2 KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM THỨ HAI/ TEACHING PLAN OF M2

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Học kỳ 1/Semester 1														
1	MMS2.001	Science and technology innovation management	Quản lý đổi mới sáng tạo Khoa học và Công nghệ	1.5	20	20			M	Nguyễn Thị Hải	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
2	MMS2.002	Research method in science and technology studies	Phương pháp nghiên cứu Khoa học và Công nghệ	1.5	20	12		8	M	Nguyễn Hồng Nam, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
3	C-32	Observational techniques	Các kỹ thuật quan sát	3	30	30			M	Cedric Leyrat, Alain Doressoundiram	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
4	C-33	Methods for Astrophysics	Phương pháp nghiên cứu vật lý thiên văn	2	20	10	10		M	Phạm Tuấn Anh	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
5	C-34	Space project - Observation	Dự án không gian - Quan trắc	3	40	40			M	Nguyễn Thị Phương, Linda Tomasini	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
6	C-35	Space applications and services	Ứng dụng và dịch vụ không gian	3	40	40			M	Bergsma Erwin, El Khanoussi Yassine	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
7	C-36	Geographical Information System	Hệ thống thông tin địa lý	2	20	10	10		M	Jean-Paul Deroin	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
8	S-31	Remote Sensing of Continental Surface	Viễn thám bề mặt lục địa	3	30	30			M	Alexandre Bouvet, Hồ Tổng Minh Định, Phạm Đức Bình	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
9	S-32	Remote Sensing of the Atmosphere	Viễn thám khí quyển	3	30	19		11	M	Juan Cuesta, Ngô Đức Thành	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
10	S-33	Remote Sensing of the Ocean and Coastal Zones	Viễn thám Đại dương và vùng bờ	3	25	15		10	M	Hubert Loisel	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
11	S-34	Advanced Astrophysics and Planets	Vật lý thiên văn và các hành tinh năng cao	3	40	40			M	Alain Doressoudiram, Howard Saburo	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
12	C-41	Internship	Thực tập	30					M			01/2027	8/2027	Trực tiếp/ Offline





PHỤ LỤC 5: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG ỨNG DỤNG NĂM HỌC 2026-2027
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG ỨNG DỤNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 673/QĐ/ĐHKHCN ngày 11/09/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ thạc sĩ của Trường ĐHKHCN năm học 2026-2027)
(Issued with Decision No. 673/QĐ/ĐHKHCN dated Sept. 11, 2026 on approving the Teaching plan of master's programs of USTH in academic year 2026-2027)

5.1 KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM THỨ NHẤT/TEACHING PLAN OF M1

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Học kỳ 1/Semester 1														
1	ES1_02	Statistics, Programming 1	Thống kê, Lập trình 1	2.5	25	25			M	Phạm Lê Anh	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
2	ES1_03	Environmental regulations	Luật và các quy định về môi trường	2.5	25	15		10	M	Đào Thành Dương	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
3	ES1_04	Environmental microbiology	Vi sinh môi trường	2.5	25	22.5	2.5		M	Christine Dupuy, Nguyễn Thanh Hiền	F+I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
4	ES1_05	Environmental chemistry	Hóa môi trường	5	50	30	20		M	Emmanuel Guillon, Bùi Văn Hới	F+I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
5	ES1_06	Atmosphere, Climate	Khí quyển, Khí hậu	2.5	25	15	10		M	Nguyễn Xuân Thành	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
6	ES1_07	Functioning Ecology	Chức năng sinh thái	2.5	25	20	2	3	M	Nguyễn Thanh Hiền, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
7	ES1_08	Fluid mechanics	Cơ học chất lỏng	2.5	25	19	6		M	Phạm Lê Anh, Trịnh Bích Ngọc	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
8	ES1_09	Free surface flows	Dòng chảy mặt	2.5	25	15	10		M	Nguyễn Thu Hiền	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
9	ES1_11	Human health	Sức khỏe cộng đồng	2.5	25	25			M	Ascel Samba-Louaka, Mai Hương	F+I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
10	C1	English M1	Tiếng Anh Thạc sĩ 1	2.5	50	50			M	Nguyễn Thanh Thủy	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
11	FRM1	French 1	Tiếng Pháp Thạc sĩ 1	1	36	36			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, Nguyễn Thủy Linh	F+I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
12	MMS1.001	Science and Technology Management	Quản lý Khoa học và Công nghệ	1.5	20	20			M	Nguyễn Thị Hải	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
13	ES2_01	Field course, Applied project	Thực địa, dự án ứng dụng	5	50	10	40	0	M	Bùi Văn Hới, Vũ Cẩm Tú	F	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
14	ES2_02	Remote Sensing of Environment	Viễn thám môi trường	2.5	35	15		20	M	Phạm Đức Bình, Hubert Loisel	F+I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
15	ES2_03	Statistics, Programming 2	Thống kê, Lập trình 2	2.5	25	5	10	10	M	Alexei Sentshev	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
16	ES2_04	Hydrology & Hydrogeology	Thủy văn & Địa chất thủy văn	5	50	36		14	M	Nguyễn Quốc Sơn	F	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
17	ES2_05	Geochemistry	Địa hóa	2.5	25	15		10	M	Yann Sivry, Marc Benedetti	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
18	ES2_06	Ecosystem services	Dịch vụ hệ sinh thái	2.5	35	25	10		M	Freddie-Jeanne Richard, Thomas Baudry	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
19	ES2_07	Biodiversity & Conservation	Bảo tồn & Đa dạng sinh học	2.5	30	15		15	M	Élodie Réveillac	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
20	ES2_10	Urban water management	Quản lý nước đô thị	5	50	30		20	M	Guilhem Dellinger, Phạm Lê Anh	F+I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
21	ES2_11	Aquatic living resources	Tài nguyên thủy sinh	2.5	25	15		10	M	Maria Kazour, Frida Lasram, Mai Hường	F+I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline

5.2 KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM THỨ HAI/ TEACHING PLAN OF M2

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Học kỳ 1/Semester 1														
1	MMS2.001	Science and technology innovation management	Quản lý đổi mới sáng tạo Khoa học và Công nghệ	1.5	20	20			M	Nguyễn Thị Hải	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
2	MMS2.002	Research method in science and technology studies	Phương pháp nghiên cứu Khoa học và Công nghệ	1.5	20	12		8	M	Nguyễn Hồng Nam, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
3	ES3_02	Geomatics	Địa toán	2.5	25	10		15	O	Jean Paul Deroin	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
4	ES3_03	Samplers, Sensors	Phương pháp lấy mẫu, Cảm biến	2.5	25	20		5	O	Philippe Behra, Vũ Cẩm Tú	F+I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
5	ES3_04	Contaminant transfer	Vận chuyển chất ô nhiễm	2.5	25	19		6	M	Philippe Behra	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chi/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
<i>Hải dương học và Thủy văn/ Oceanography and Hydrology</i>														
6	ES3_07	Marine biogeochemistry	Sinh địa hóa hải dương	2.5	25	15		10	M	Trịnh Bích Ngọc, Marine Herrmann	F-I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
7	ES3_08	Marine optics	Quang học hải dương	2.5	25	15		10	M	Hubert Loisel	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
8	ES3_10	Hydrology modelling	Mô hình thủy văn	5	50	20	20	10	M	Nguyễn Quốc Sơn	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
9	ES3_12	Coastal oceanography & Oceanographic instrumentation	Hải dương vùng bờ & Thiết bị	5	50	30	4	16	M	Alexei Sentschev, Guillaume Fromant	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
10	ES3_14	Sediment transport, Estuaries, Nearshore processes	Các quá trình vận chuyển trầm tích ven bờ	5	50	40	10		M	Xavier Bertin, Yann Krien, Alexis Chaigneau	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
<i>Bảo vệ hệ sinh thái và nguồn nước bền vững/ Sustainable Water and Ecosystem Protection</i>														
11	ES3_06	Ecotoxicology & Bioindicators	Độc học sinh thái & Chỉ thị sinh học	5	50	35	15		M	Paco Bustamante, Christine Dupuy, Mai Hương	F-I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
12	ES3_09	Water treatments	Xử lý nước	5	50	30	10	10	M	Julien Laurent, Jean-Philippe Croue, Phạm Lê Anh	F-I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
13	ES3_11	Ecological engineering	Kỹ thuật sinh thái	5	50	30		20	M	Nguyễn Thanh Hiền, Phạm Lê Anh	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
14	ES3_13	Soils	Khoa học Đất	5	50	30	15	5	M	Christian Valentin, Pascal Jourquet, Hermine Huot, Nicolas Bottinelli, Mai Hương	F-I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
15	ES4_01	Internship	Thực tập	30					M			02/2027	08/2027	Trực tiếp/ Offline



PHỤ LỤC 6: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 6: TEACHING PLAN OF MASTER'S PROGRAM IN FOOD SAFETY AND QUALITY ASSURANCE IN ACADEMIC YEAR 2026-2027
ĐẠI HỌC KHOA HOA VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
Được ban hành kèm theo Quyết định số **673** -QĐ/ĐHKHCN ngày **11 / 09** /2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ thạc sĩ của Trường ĐHKHCN năm học 2026-2027)
Decision No. **673** -QĐ/ĐHKHCN dated **Sept. 11** , 2026 on approving the Teaching plan of master's programs of USTH in academic year 2026-2027)

6.1 KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM THỨ NHẤT/ TEACHING PLAN OF M1

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Học kỳ 1/Semester 1														
1	FSS07	Scientific Communication and Project Management in Food Technology	Truyền thông khoa học và quản lý dự án trong Công nghệ Thực phẩm	4	48	30	12	6	M	Nguyễn Văn Phương	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
2	FSS08	Statistics and biological experimentation	Thống kê và thử nghiệm sinh học	4	44	40		4	M	Mai Thị Phương Nga, Nguyễn Thị Văn Anh	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
3	FSS09	Advanced techniques for microbiological control in food	Các phương pháp tiên tiến trong kiểm soát vi sinh thực phẩm	4	48	30	18		M	Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Nguyễn Quang Huy, Phạm Hoàng Nam	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
4	FSS10	Advanced Food Chemistry	Hóa học thực phẩm nâng cao	4	45	30	15		M	Lê Hồng Luyện, Nguyễn Hữu Nghị	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
5	FSS11	Food Quality and Safety Management	Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm	4	48	28		20	M	Lê Thị Phương Thảo	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
6	FSS12	Global Food Safety and Security Challenges	Thách thức an toàn và an ninh thực phẩm toàn cầu	4	45	30	15	15	M	Lê Thị Hoàng Yến	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
7	FSS17	Advanced Process and Equipment in Food Technology	Quá trình và thiết bị trong công nghệ thực phẩm nâng cao	4	45	30	15		M	Đỗ Xuân Trường	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
8	C1	English M1	Tiếng Anh Thạc sĩ 1	2.5	50	50			M	Nguyễn Thanh Thủy	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
9	FRM1	French 1	Tiếng Pháp Thạc sĩ 1	1	36	36			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, Nguyễn Thùy Linh	F+I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
10	MMS1.001	Science and Technology Management	Quản lý Khoa học và Công nghệ	1.5	20	20			M	Nguyễn Thị Hải	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
11	FSS13	Modern techniques for Contaminants and toxins analysis in Food Quality Control	Các kỹ thuật phân tích chất ô nhiễm và độc tố trong Kiểm soát chất lượng Thực phẩm	5	60	28	32		M	Bùi Văn Hơi, Phạm Hoàng Nam	F	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
12	FSS14	Food Safety Risk Analysis	Phân tích nguy cơ về an toàn thực phẩm	4	45	35		10	M	Trần Cao Sơn, Vũ Thị Trang	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
13	FSS15	Food Safety Audit	Thanh tra an toàn thực phẩm	4	40	28		12	M	Lê Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Giang	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
14	FSS16	Traceability in Food Supply Chain Management	Truy xuất nguồn gốc trong quản lý chuỗi cung ứng thực phẩm	4	40	28		12	M	Bùi Bá Chính, Hoàng Quốc Việt	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
15	FSS25	M1 internship	Thực tập M1	10					M			01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline

6.2 KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM THỨ HAI/ TEACHING PLAN OF M2

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Học kỳ 1/Semester 1														
1	MMS2.001	Science and technology innovation management	Quản lý đổi mới sáng tạo Khoa học và Công nghệ	1.5	20	20			M	Nguyễn Thị Hải	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
2	MMS2.002	Research method in science and technology studies	Phương pháp nghiên cứu Khoa học và Công nghệ	1.5	20	12		8	M	Nguyễn Hồng Nam, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
3	FSS18	Application of green and Industry 4.0 Technologies in sustainable agri-food systems	Ứng dụng công nghệ xanh và Công nghiệp 4.0 trong hệ thống nông nghiệp thực phẩm bền vững	4	48	36		12	M	Hồ Văn Sơn, Trần Giang Sơn	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
4	FSS19	Food Footprint: Mitigation of environmental impacts in sustainable agri-food production	Dấu chân thực phẩm: Giảm thiểu tác động môi trường trong sản xuất nông nghiệp-thực phẩm bền vững	4	40	28		12	M	Bùi Bá Chính, Eugenio Aprea, Giorgia Spigno, Nguyễn Văn Phương, GV thỉnh giảng	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
5	FSS20	Circular Economy, Greenhouse Gas Inventory and the Sustainable Food System	Kinh tế tuần hoàn, kiểm kê khí nhà kính và hệ thống thực phẩm bền vững	4	40	28		12	M	Nguyễn Ngọc Thủy, Nguyễn Tô Minh	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
6	FSS21	Food Supply Chain Quality Management	Quản lý chất lượng chuỗi cung ứng thực phẩm	4	40	28		12	M	Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Thị Minh Tú, Trần Thị Bích Thủy	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chi/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
7	FSS22	Workshop: Research and career orientation in food quality assurance, safety and security	Workshop: Định hướng nghiên cứu và nghề nghiệp trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng, an ninh và an toàn thực phẩm	4	40	40			M	Phạm Hoàng Nam, Nguyễn Thị Mình Huyền, Tô Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Nguyễn Hữu Nghi, GV thỉnh giảng	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
8	FSS23	Valorization of agri-food wastes and by-products	Nâng cao giá trị của phế phẩm và phụ phẩm nông nghiệp - thực phẩm	5	60	50		10	O	Nguyễn Thị Minh Huyền	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
9	FSS24	New trends in food research and innovation	Xu hướng mới trong nghiên cứu và đổi mới thực phẩm	5	60	50		10	O	Nguyễn Văn Tăng	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
10	FSS26	Internship	Thực tập	30					M			02/2027	08/2027	Trực tiếp/ Offline





PHỤ LỤC 7: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ TOÁN ỨNG DỤNG NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 7: TEACHING PLAN OF MASTER'S PROGRAM IN APPLIED MATHEMATICS IN ACADEMIC YEAR 2026-2027
(Bản hình thức đã được phê duyệt và ký duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ thạc sĩ của Trường ĐHKHCN năm học 2026-2027)
(Issued with Decision No. 613-QĐ/ĐHKHCN dated Sept. 11, 2026 on approving the Teaching plan of master's programs of USTH in academic year 2026-2027)

7.1. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM THỨ NHẤT/ TEACHING PLAN OF M1

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Học kỳ 1/Semester 1														
1	MAT4.001	Calculus and Numerical Computation	Giải tích và tính toán số	5	50	30		20	M	Đoàn Thái Sơn, Hồ Minh Toàn	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
2	MAT4.002	Computational Linear Algebra	Đại số tuyến tính tính toán	5	50	25		25	M	Trần Giang Nam	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
3	MAT4.003	Advanced Algorithms	Thuật toán nâng cao	5	50	25		25	M	Phan Thị Hà Dương	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
4	MAT4.004	Programming	Lập trình	2.5	25	10		15	M	Nguyễn Năng Thiệu, Lê Xuân Thanh, Lê Hải Yến	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
5	MAT4.005	Modern Probability	Xác suất hiện đại	5	50	30		20	M	Cần Văn Hảo, Đoàn Thái Sơn	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
6	MAT4.006	Differential Equations and Simulation	Phương trình vi phân và mô phỏng	5	50	30		20	M	Hoàng Thế Tuấn	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
7	C1	English M1	Tiếng Anh Thạc sĩ 1	2.5	50	50			M	Nguyễn Thanh Thùy	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
8	FRM1	French 1	Tiếng Pháp Thạc sĩ 1	1	36	36			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, Nguyễn Thùy Linh	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
9	MMS1.001	Science and Technology Management	Quản lý Khoa học và Công nghệ	1.5	20	20			M	Nguyễn Thị Hải	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
10	MAT4.008	Applied Statistics	Thống kê ứng dụng	5	50	30		20	M	Hồ Đăng Phúc	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
11	MAT4.009	Computational Optimization	Tối ưu tính toán	5	50	30		20	M	Lê Hải Yến	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
12	MAT4.010	Operations Research	Vận trù học	5	50	30		20	M	Lê Xuân Thanh	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
13	MAT4.011	Mathematical Modeling: Analysis and Applications	Mô hình hóa toán học: Phân tích và ứng dụng	5	50	30		20	M	Đoàn Thái Sơn	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
14	MAT4.012	Stochastic Processes and Stochastic Analysis I	Quá trình ngẫu nhiên và giải tích ngẫu nhiên I	2.5	25	17		8	M	Phạm Việt Hùng	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
15	MAT4.013	Internship M1	Thực tập M1	5					M			01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline

7.2. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM THỨ NHẤT/ TEACHING PLAN OF M2

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Học kỳ 1/Semester 1														
1	MMS2.001	Science and technology innovation management	Quản lý đổi mới sáng tạo Khoa học và Công nghệ	1.5	20	20			M	Nguyễn Thị Hải	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
2	MMS2.002	Research method in science and technology studies	Phương pháp nghiên cứu Khoa học và Công nghệ	1.5	20	12		8	M	Nguyễn Hồng Nam, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
3	MAT5.002	Stochastic Processes and Stochastic Analysis II	Quá trình ngẫu nhiên và giải tích ngẫu nhiên II	2.5	25	17		8	M	Đoàn Thái Sơn, Hồ Minh Toàn	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
4	MAT5.003	Integer Programming	Quy hoạch nguyên	5	50	30		20	M	Trần Giang Nam	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
5	MAT5.004	Mathematical Foundation of Machine learning	Cơ sở Toán học cho học máy	5	50	30		20	M	Phan Thị Hà Dương	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
Nhóm lựa chọn O1: định hướng kỹ thuật / Optional block O1: technical orientation														
6	MAT5.005	Inverse Problems and Data Assimilation	Bài toán ngược và đồng bộ hóa dữ liệu	5	50	30		20	O	Nguyễn Năng Thiều, Lê Xuân Thanh, Lê Hải Yến	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
7	MAT5.006	Mathematical Methods for Quantitative Finance	Phương pháp toán trong tài chính định lượng	5	50	30		20	O	Cần Văn Hào, Đoàn Thái Sơn	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
8	MAT5.007	Invited Technical Lecture	Bài giảng mời kỹ thuật	2.5	25	25			O	GV thỉnh giảng	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
Nhóm lựa chọn O2: định hướng lý thuyết / Optional block O2: theory orientation														
9	MAT5.008	Applied Graph Theory	Lý thuyết đồ thị ứng dụng	5	50	30		20	O	Hoàng Thế Tuấn	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
10	MAT5.009	Qualitative Theory of Dynamical Systems	Lý thuyết định tính hệ động lực	5	50	30		20	O	GV cơ hữu	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
11	MAT5.010	Lecture by Invited Scientific Researcher	Bài giảng mời nghiên cứu	2.5	25	25			O	GV thỉnh giảng	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
12	MAT5.011	Internship	Thực tập	30					M			01/2027	8/2027	Trực tiếp/ Offline



PHỤ LỤC 8: KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ QUẢN LÝ CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 8: TEACHING PLAN OF MASTER'S PROGRAM IN TECHNOLOGY AND INNOVATION MANAGEMENT IN ACADEMIC YEAR 2026-2027

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM THỨ NHẤT/ TEACHING PLAN OF M1

12/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ thạc sĩ của Trường ĐHKHCN năm học 2026-2027)
2026 on approving the Teaching plan of master's programs of USTH in academic year 2026-2027)

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Học kỳ 1/Semester 1														
1	TIM.M7	Tư duy thiết kế và sáng tạo	Design Thinking and Creative Thinking Methodology	4	40	20	20		M	Vì Chí Thành, Nguyễn Tường Lan	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
2	TIM.M4	Quản trị tài chính cho đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	Financial Management for Innovation and Entrepreneurship	4	40	20		20	O	Nguyễn Thị Hiền	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
3	TIM.T14	Green Transformation and Digital Transformation	Chuyển đổi xanh và chuyển đổi số	4	40	20		20	O	Nguyễn Hữu Xuyên, Lê Huy Huân	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
4	TIM.M1	Lãnh đạo và quản trị chiến lược	Leadership and Strategic Management	4	40	20	20		M	Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Tường Lan	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
5	TIM.M6	Quản trị dữ liệu và ra quyết định dựa trên dữ liệu	Data Management and Data-Driven Decision Making	4	40	20		20	O	Nguyễn Việt Anh	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
6	TIM.T2	Thiết kế AI và Hệ thống AI	AI Design and AI Systems	4	40	20	20		O	Nghiêm Thị Phương	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
7	TIM.S3	Truyền thông số	Digital Communication	2	20	10		10	O	Nguyễn Văn Anh	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
8	TIM.M9	Quản trị tài sản trí tuệ	Intellectual Asset Management	4	40	20	20		O	Trần Thu Hà	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
9	FRM1	French 1	Tiếng Pháp Thạc sĩ 1	1	36	36			O	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, Nguyễn Thùy Linh	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
10	MMS2.002	Research method in science and technology studies	Phương pháp nghiên cứu Khoa học và Công nghệ	1.5	20	12		8	O	Nguyễn Hồng Nam, Nguyễn Quỳnh Hoa	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
11	TIM.M2	Quản lý khoa học và Công nghệ	Science and Technology Management	4	40	20	10	10	M	Đỗ Thị Hải Nguyễn Tường Lan	F+I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
12	TIM.M8	Pháp lý doanh nghiệp thực chiến	Practical Legal Issues for Businesses	4	40	20	20		M	Giảng viên thỉnh giảng	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
13	TIM.M10	Tiêu chuẩn, chất lượng và chứng nhận sản phẩm	Standards, Quality & Product Certification	4	40	20	20		O	Giảng viên thỉnh giảng	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (O)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
14	TIM.M15	Logistics và chuỗi cung ứng thông minh	Smart logistics and Supply chains	4	40	20	20		O	Giảng viên thỉnh giảng	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
15	TIM.M13	Marketing cho sản phẩm và dịch vụ công nghệ	Marketing for Technology Products & Services	4	40	20	20		O	Nguyễn Tường Lan	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
16	TIM.M14	Quản trị tối ưu năng suất và chất lượng	Productivity and Quality Optimization Management	4	40	20	20		O	Giảng viên thỉnh giảng	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
17	TIM.M16	Sản xuất thông minh và Phát triển bền vững	Smart production and Sustainable development	4	40	20	20		O	Giảng viên thỉnh giảng	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
18	TIM.S6	Kỹ năng quản trị đa văn hóa	Intercultural Management Skills	2	20	10		10	O	Trần Thanh Liên	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
19	TIM.S2	Kỹ năng đàm phán	Negotiation Skills	2	20	10		10	O	Giảng viên thỉnh giảng	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
20	TIM.S5	Nguyên lý Thiết kế nhãn hiệu và Bao bì sản phẩm	Principles of Brand Identity and Packaging Design	2	20	10		10	O	Giảng viên thỉnh giảng	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
21	TIM.T3	Chuyển dịch năng lượng và công nghệ năng lượng sạch	Energy Transition and Clean Energy Technologies	4	40	20		20	O	Nguyễn Hồng Nam	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
22	TIM.T4	Đổi mới xanh và công nghệ môi trường	Green Innovation and Environmental Technologies	4	40	20	20		O	Nguyễn Hồng Nam	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
23	TIM.T5	Con đường nghiên cứu – phát triển và đổi mới trong dược phẩm	R&D and Innovation Pathway in Pharmaceuticals	4	40	20	20		O	Nguyễn Hải Đăng, Nguyễn Thị Kiều Oanh	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
24	TIM.T6	Đổi mới và quản lý các nhóm sản phẩm chăm sóc sức khỏe	Innovation and Management of Health Product Groups	4	40	20	20		O	Nguyễn Hải Đăng, Nguyễn Thị Kiều Oanh	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
25	TIM.T7	Nông nghiệp thông minh và đổi mới công nghệ sinh học	Smart Agriculture and Biotechnology Innovation	4	40	20	20		O	Nguyễn Hải Đăng, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Nguyễn Thị Tuyết Nhung	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
26	TIM.T8	Robot công nghiệp trong Công nghiệp 4.0: Nguyên lý, ứng dụng và tích hợp hệ thống	Robotics for Industry 4.0: Concepts, Applications and Integration	4	40	20	10	10	O	Giảng viên cơ hữu	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
27	TIM.T9	Tự động hóa trong công nghiệp Công nghiệp 4.0: Nguyên lý, ứng dụng và tích hợp hệ thống	Automatics for Industry 4.0: Concepts, Applications and Integration	4	40	20	10	10	O	Giảng viên cơ hữu	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
28	TIM.T10	Truyền thông khoa học và quản lý dự án trong Công nghệ Thực phẩm	Scientific Communication and Project Management in Food Technology	4	40	20	4	16	O	Nguyễn Hải Đăng, Nguyễn Thị Kiều Oanh	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
29	TIM.T11	Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm	Food Quality and Safety Management	4	40	20	20		O	Nguyễn Hải Đăng, Nguyễn Thị Kiều Oanh	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
30	TIM.T12	Xu hướng mới trong nghiên cứu và đổi mới thực phẩm	New Trends in Food Research and Innovation	4	40	20	20		O	Nguyễn Hải Đăng, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Nguyễn Thị Tuyết Nhưng	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
31	TIM.T13	Quản lý quy trình kinh doanh - Hệ thống thông tin quản lý	Business Process Management / Management Information Systems	4	40	20		20	O	Trần Giang Sơn	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline





PHỤ LỤC 9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ TÀI NĂNG NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 9. TEACHING PLAN OF TALENT MASTER'S PROGRAM IN INFORMATION AND COMMUNICATION TECHNOLOGY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027
(Ban hành kèm theo Quyết định số 613-QĐ/ĐHKHCN ngày 11/09/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ thạc sĩ của Trường ĐHKHCN năm học 2026-2027)
(Issued with Decision No. 613-QĐ/ĐHKHCN dated Sept. 11, 2026 on approving the Teaching plan of master's programs of USHT in academic year 2026-2027)

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM THỨ NHẤT/ TEACHING PLAN OF M1

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Học kỳ 1/Semester 1														
1	BC4.01	Mathematics Tool for Data Science	Công cụ toán học cho khoa học dữ liệu	5	50	40		10	M	Trần Hoàng Tùng	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
2	BC4.02	Information Systems for Data Science	Hệ thống thông tin cho khoa học dữ liệu	5	50	40	10		M	Nghiêm Thị Phương, Nguyễn Hoàng Hà	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
3	BC1.01	Programming techniques	Kỹ thuật lập trình	5	50	30	20		M	Emmanuelle Darles, Lilian Aveneau	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
4	BC2.01	Statistics for Data Science	Thống kê cho khoa học dữ liệu	5	50	40	10		M	Cần Văn Hào	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
5	BC1.02	Basic modelling techniques	Kỹ thuật mô hình hoá cơ bản	5	50	40		10	M	Giang Anh Tuấn	F	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
10	C1	English M1	Tiếng Anh Thạc sĩ 1	2.5	50	50			M	Nguyễn Thanh Thủy	I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
11	FRM1	French 1	Tiếng Pháp Thạc sĩ 1	1	36	36			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, Nguyễn Thùy Linh	F+I	09/2026	01/2027	Thực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
12	MMS1.001	Science and Technology Management	Quản lý Khoa học và Công nghệ	1.5	20	20			M	Nguyễn Thị Hải	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
9	BC3.01	System Architectures	Kiến trúc hệ thống	5	50	40		10	M	Camélia Slimani	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
10	BC1.03	Advanced modelling techniques	Kỹ thuật mô hình hoá nâng cao	5	50	30		20	M	Davide Catta, Kais Klai	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
11	BC2.03	Machine Learning	Học máy	5	50	20	20	10	M	Nguyễn Minh Hương, Đoàn Nhật Quang	F	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
12	BC4.03	Deep Learning	Học sâu	5	50	20	20	10	M	Damien Muselet, Trần Giang Sơn	F+I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
13	BC3.02	Security and Ethics for Data	An toàn và đạo đức cho dữ liệu	2.5	25	20		5	M	Trần Trung Chuyên	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
14	BC2.02	From sensor to user	Từ cảm ứng đến người dùng	2.5	25	20		5	M	Trần Trung Chuyên	I	01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline
15	MI2.05-M1	M1 Internship	Thực tập M1	5					M			01/2027	6/2027	Thực tiếp/ Offline





PHỤ LỤC 10: KẾ HOẠCH GIÁNG DẠY CHUƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ TÀI NĂNG NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC: THỰC VẬT - Y SINH - DUỖC HỌC NĂM HỌC 2026-2027
ANNEX 10: TEACHING PLAN OF TALENT MASTER'S PROGRAM IN MEDICAL BIOTECHNOLOGY - PLANT BIOTECHNOLOGY - PHARMACOLOGY IN ACADEMIC YEAR 2026-2027
(Ban hành kèm theo Quyết định số 613/QĐ/ĐHKHCN ngày 11/09/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch giảng dạy trình độ thạc sĩ của Trường ĐHKHCN năm học 2026-2027)
(Issued with Decision No. 613/QĐ/ĐHKHCN dated Sept. 11, 2026 on approving the Teaching plan of master's programs of USTH in academic year 2026-2027)

KẾ HOẠCH GIÁNG DẠY NĂM THỨ NHẤT/ TEACHING PLAN OF M1

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
Học kỳ 1/Semester 1														
1	BP10	Molecular Biology	Sinh học phân tử	5	50	40	10	0	M	Trịnh Duy Chi, Eric Lacombe	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
2	BP11	Biochemistry and enzymology	Hóa sinh và Enzyme học	5	50	40	10	0	M	Thanh Hà Duong, Nguyễn Sỹ Lê Thanh	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
3	BP12	Introduction to pharmacology	Nhập môn dược học	4	50	40	4	12	M	Roger Besancon, Stéphanie Aguero, Nguyễn Thị Kiều Oanh	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
4	BP13	Intruduction to biotechnology	Nhập môn công nghệ sinh học	4	35	27	0	8	M	Michael Quentin, Trịnh Duy Chí, Lê Thanh Hương	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
5	BP14	Bioinformatic	Tin sinh	4	50	40	10	0	M	Nguyễn Đức Quân, Trần Thị Thanh Tâm	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
6	BP15	Statistics and biological experimentation	Thống kê sinh học	4	44	40	0	4	M	Mai Thị Phương Nga, Nguyễn Cầm Linh	F	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
7	BP16	Scientific communication, valorization, Project management	Truyền thông khoa học và quản lý dự án	4	44	44	0	0	M	Eric Gontier, Lê Thanh Hòa	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
8	C1	English M1	Tiếng Anh Thạc sĩ 1	2.5	50	50			M	Nguyễn Thanh Thùy	I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
9	FRM1	French 1	Tiếng Pháp Thạc sĩ 1	1	36	36			M	Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Thị Huyền, Trương Thị Khánh Hòa, Nguyễn Thùy Linh	F+I	09/2026	01/2027	Trực tiếp/ Offline
Học kỳ 2/Semester 2														
10	MMS1.001	Science and Technology Management	Quản lý Khoa học và Công nghệ	1.5	20	20			M	Nguyễn Thị Hải	I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
11	BP30	M1 internship	Thực tập M1	10					M			01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline

STT/ No.	Mã học phần/ Module code	Tên học phần bằng tiếng Anh/ Modules in English	Tên học phần bằng tiếng Việt/ Modules in Vietnamese	Số tín chỉ/ ECTS	Tổng số giờ/ Total teaching hours	Số giờ lý thuyết/ Lecture hours	Số giờ thực hành/ Practical hours	Số giờ bài tập/ Tutorial hours	Bắt buộc (M)/ Lựa chọn (O)/ Mandatory (M)/ Optional (O)	Giảng viên (GV)/ Lecturers	GV cơ hữu (F)/ GV thỉnh giảng (I)/ Fulltime (F)/ Invited lecturer (I)	Bắt đầu/ Start	Kết thúc/ End	Hình thức giảng dạy/ Mode of instruction
<i>Phát triển thuốc/ Drug Development</i>														
12	BP20	Medicinal chemistry	Hóa dược	5	49	39	0	10	M	Marie-Geneviève Dijoux, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Lê Hồng Luyến	F+I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
13	BP21	Pharmaceutics and biopharmacy	Bào chế và sinh dược	5	50	28	22	0	M	Nguyễn Phương Nhung, Nguyễn Thị Kiều Oanh	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
14	BP22	Concepts in biochromatography	Các phương pháp sắc ký sinh học	5	50	24	26	0	M	Lê Thị Thu Hằng	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
<i>Y sinh/ Biomedicine</i>														
15	BP23	General immunology	Miền dịch đại cương	5	53	37	16	0	M	Nguyễn Thị Trang Huyền, Trần Thị Thu Phương	F	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
16	BP24	Biomedical Biotechnology	Công nghệ sinh học Y sinh	5	56	40	16	0	M	Grigorov Boyan, Nguyễn Quang Huy, Lê Thị Thu Hằng, Đào Thị Mai Lan	F+I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
17	BP25	General oncology	Đại cương ung thư	5	54	42	12	0	M	Nguyễn Phương Nga, Nguyễn Thị Trang Huyền, Grigorov Boyan, Roger Besançon	F+I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
<i>Công nghệ sinh học thực vật/ Plant Biotechnology</i>														
18	BP26	Plant genetic and development	Di truyền và phát triển ở thực vật	5	50	45		5	M	Trịnh Duy Chi, Eric Lacombe, Lê Thị Vân Anh	F+I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
19	BP27	Plant Micro-organism interactions	Tương tác vi sinh vật - thực vật	5	50	35		15	M	Pierre Czernic, Nguyễn Văn Phượng	F+I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline
20	BP28	Plant metabolic engineering	Cải biến trao đổi chất thực vật	5	45	25	8	12	M	Michelle Boitel, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Mai Thị Phương Nga, Tô Thị Mai Hương	F+I	01/2027	6/2027	Trực tiếp/ Offline